| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN GIỒNG TRÔM**<br>**TỈNH BẾN TRE** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 57/2023/DS-ST

Ngày: 22-5-2023

V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM - TỈNH BẾN TRE

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Ngoan

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Phạm Công Luận

Ông Phạm Thành Đồng

*Thư ký phiên tòa*: Ông Phan Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 283/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2023/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Bà Đặng Thị R, sinh năm 1970.

Địa chỉ: số B, ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

*Bị đơn*: 1.Bà Đỗ Thị Tuyết V, sinh năm 1978.

2.Ông Đỗ Văn G, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: ấp Z, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Bà R, bà V, ông G vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đặng Thị R trình bày*:

Do có quen biết với nhau, nên vào ngày 20/01/2022 bà có cho vợ chồng bà V và ông G vay số tiền 186.060.000 (một trăm tám mươi sáu triệu không trăm sáu mươi nghìn) đồng. Mục đích bà V và ông G vay tiền là để trả nợ ngân hàng. Ông bà cam kết trong thời hạn 01 tháng, tức là đến ngày 20/02/2022 sẻ trả số tiền trên cho bà R. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng. Tuy nhiên đến nay bà V, ông G chưa trả tiền gốc và lãi cho bà R. Do đó, bà R khởi kiện yêu cầu bà V và ông G liên đới trách nhiệm trả cho

bà số tiền vay gốc còn nợ là 186.060.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 20/02/2022 đến ngày 20/7/2022 theo lãi suất 1%/tháng với số tiền 9.303.000 đồng. Tiền lãi từ sau ngày 20/7/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm bà R không yêu cầu. Tổng gốc và lãi bà R yêu cầu bà V và ông G trả là 195.363.000 đồng.

Bị đơn bà V, ông G đã được tống đạt hợp lệ nhưng ông đều vắng mặt không lý do trong các buổi hòa giải, công khai chứng cứ và phiên tòa. Ông bà cũng cũng không gửi ý kiến bằng văn bản gởi cho Tòa án và cũng không có yêu cầu phản tố, không có ý kiến gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nên trong hồ sơ không có lời trình bày của bà V và ông G.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Bà R khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Thị Tuyết V và ông Đỗ Văn G trả số tiền vay còn nợ nên xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn bà V và ông G cư trú tại xã Tân Lợi Thạnh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà R có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bà V, ông G đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên căn cứ quy định tại Điều 227 Lộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà R, bà V và ông G.

[2] Về nội dung vụ án: Bà R khởi kiện yêu cầu V và ông G liên đới trách nhiệm trả số tiền vay còn nợ là 186.060.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 1%/tháng kể từ ngày 20/02/2022 cho đến ngày 20/7/2022. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà R cung cấp là: biên nhận giấy nợ mượn tiền bản chính, nội dung thể hiện bà V cùng chồng có mượn của bà R số tiền 186.060.000 đồng để trả vay ngân hàng đáo hạn. Lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng. Thời hạn vay từ ngày 20/01/2022 đến 20/02/2022.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện là "biên nhận giấy nợ mượn tiền" cho bà V và ông G. Theo nội dung "biên nhận giấy nợ mượn tiền", bà V cam kết sẽ trả số tiền tiền trên trong thời hạn 01 tháng. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự thể hiện: "bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ khi đến hạn". Đến nay đã quá thời hạn thỏa thuận nên bà R có quyền khởi kiện để yêu cầu trả nợ. Tuy trong giấy nợ chỉ một mình bà V ký tên nhưng nội dung vay để trả nợ đáo hạn ngân hàng, đồng thời theo trích lục kết hôn của Ủy ban nhân dân xã Tân Lợi Thạnh thể hiện bà Đỗ Thị Tuyết V và ông Đỗ Văn G có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Lợi Thạnh và ngày 20/10/1999. Số tiền trên được vay trong thời kỳ hôn nhân, để trả cho khoản nợ chung của bà V và ông G. Do đó, việc bà R khởi kiện yêu cầu bà V và ông G

liên đới trách nhiệm trả số tiền gốc còn nợ 186.060.000 đồng và tiền lãi là có cơ sở chấp nhận.

Số tiền lãi tính từ ngày 20/02/2022 cho đến ngày 20/7/2022 là 5 tháng theo lãi suất 1%/tháng được tính như sau: 186.060.000 đồng x 1% x 5 tháng = 9.303.000 đồng. Bà R không yêu cầu tính lãi sau ngày 20/7/2022 cho đến ngày xét xử nên Hội đồng xét xử không xem xét. Như vậy, tổng gốc và lãi bà V và ông G có trách nhiệm trả cho bà R là 195.363.000 đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà R được chấp nhận nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà V và ông G phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là 195.363.000 đồng x 5% = 9.768.150 (chín triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn một trăm năm mươi) đồng.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị R, cụ thể tuyên:

[1] Buộc bà Đỗ Thị Tuyết V và ông Đỗ Văn G có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đặng Thị R số tiền 195.363.000 (một trăm chín mươi lăm triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Đỗ Thị Tuyết V và ông Đỗ Văn G có trách nhiệm liên đới nộp số tiền án phí là 9.768.150 (chín triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn một trăm năm mươi) đồng.

[3] Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

*"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy*

*định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".*

***Nơi nhận***:
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

**Nguyễn Thị Ngoan**